**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KỲ II**

1. **Lí thuyết:**
2. **Bài 10: Cấu tạp của Trái Đất. Các mảng kiến tạo**
3. **Cấu tạo bên trong của Trái Đất: gồm 3 lớp (Lớp vỏ, Lớp man-ti, Lớp nhân)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đặc điểm** | **Lớp vỏ** | **Lớp man-ti** | **Lớp nhân** |
| Độ dày | Dày từ 5-70 km | Dày 2900 km, | Dày khoảng 3400 km. |
| Trạng thái | Trạng thái rắn chắc | trạng thái từ quánh dẻo đến rắn. | Trạng thái lỏng đến rắn |
| Nhiệt độ. | Nhiệt độ tối đa 10000C. | Nhiệt độ khoảng 1500-37000C. | Nhiệt độ cao nhất khoảng 50000C.  |

**b. Các địa mảng (mảng kiến tạo)**

- Có 7 địa mảng lớn của lớp vỏ Trái Đất.

+ Mảng Âu - Á

+ Mảng Thái Bình Dương

+ Mảng Ấn Độ - Ô-xtrây-li-a

+ Mảng Phi

+ Mảng Bắc Mỹ

+ Mảng Nam Mỹ

+ Mảng Nam Cực

*Lưu ý: Ngoài 7 mảng lớn còn có các mảng nhỏ khác được đánh số.* Việt Nam nằm ở mảng Âu - Á.

**2. Bài 11: Quá trình nội sinh và quá trình ngoại sinh. Hiện tượng tạo núi**

**a. Quá trình nội sinh và quá trinh ngoại sinh**

****

- Một số ví dụ về tác động của quá trình nội sinh: hiện tượng động đất, núi lửa,... - Một số ví dụ về tác động của quá trình ngoại sinh: địa hình trong hang động do nước hoà tan đá vôi, đá bị nứt vỡ do thay đổi nhiệt độ, xói mòn do dòng chảy tạm thời, đá bị rạn nứt do rễ cây,...

**b. Hiện tượng tạo núi**

- Nội lực là yếu tố chính trong quá trình thành tạo núi, ngoài ra núi cũng chịu các tác động của quá trình ngoại sinh. Qua thời gian, dưới tác động của ngoại sinh (dòng chảy, gió, nhiệt độ,...) làm thay đổi hình dạng của núi: các đỉnh núi tròn hơn, sườn núi bớt dốc, độ cao giảm xuống,...

**3. Bài 12: Núi lửa và động đất**

**a. Núi lửa:**

- Nguyên nhân sinh ra núi lửa là do mac-ma từ trong lòng Trái Đất theo các khe nứt của vỏ Trái Đất phun trào lên bề mặt.

- Các bộ phận của núi lửa: lò mac-ma, miệng núi lửa, ống phun.

- Hậu quả do núi lửa gây ra (tính mạng con người, môi trường, đời sống và sản xuất của con người)

+ Tro bụi và dung nham từ núi lửa có thể vùi lấp thành thị, làng mạc, ruộng nương,... gây thiệt hại vế tài sản lẫn tính mạng con người.

+ Tro bụi gầy biến đổi khí hậu, ô nhiễm không khí, ảnh hưởng đến sức khoẻ của con người (đặc biệt các bệnh liên quan đến đường hô hấp, dịch bệnh,...).

+ Ngoài ra, còn ảnh hưởng đến các hoạt động khác như giao thông, sản xuất nông nghiệp,...

**b. Động đất:**

- Động đất là những rung chuyển đột ngột mạnh mẽ của vỏ Trái Đất.

- Nguyên nhân: do hoạt động của núi lửa, sự dịch chuyển của các mảng kiến tạo, đứt gãy trong vỏ Trái Đất.

- Hậu quả:

+ Đổ nhà cửa, các công trình xây dựng.

+ Có thể gây nên lở đất, biến dạng đáy biển, làm phát sinh sóng thần khi xảy ra ở biền.

**4. Bài 13: Các dạng địa hình chính trên Trái Đất:**

**a. Các dạng địa hình chính**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các dạng địa hình** | **Núi** | **Đồi** | **Cao nguyên** | **Đồng bằng** |
| Độ cao so với mực nước biển | Trên 500m so với mực nước biển | Từ 200m trở xuống so với địa hình xung quanh | Thường cao trên 500m so với mực nước biển | Dưới 200m so với mực nước biển |
| Đặc điểm hình thái | Nhô cao rõ rệt, đỉnh nhọn, sườn dốc | Đỉnh tròn, sườn thoải | Bề mặt tương đối bằng phẳng, sườn dốc | Địa hình thấp, bề mặt tương đối bằng phẳng hoặc hơi gợn sóng. |

**b. Khoáng sản:**

- Khoáng sản: là những khoáng vật và khoáng chất tự nhiên có ích trong vỏ Trái Đất mà con người có thể khai thác để sử dụng trong sản xuất và đời sống.

- Khoáng sản có thể được phân thành ba nhóm: khoáng sản năng lượng, khoáng sản kim loại, khoáng sản phi kim loại.

- Các đối tượng là khoáng sản: than đá, cát, đá vôi...

Vì đây là những khoáng chất thiên nhiên được con người sử dụng trong sản xuất và đời sống.

+ Vật dụng hằng ngày được làm từ khoáng sản: bút bi, gương, kéo, dao, đổng hồ, tivi,...

+ Khoáng sản nhiên liệu: than bùn, khí thiên nhiên. Khoáng sản kim loại: niken, bô xít, vàng.

+ Khoáng sản phi kim loại: nước khoáng, kim cương, cao lanh, phốt phát.

**5. Bài 14: Thực hành: Đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và lát cắt địa hình đơn giản**

+ Các đường đồng mức cách nhau 100 m.

**6. Bài 15: Lớp vỏ khí của Trái Đất. Khí áp và gió**

**a. Thành phần không khí gần bề mặt đất**

- Thành phần không khí gần bề mặt đất gồm :

+ Khí ni tơ chiếm 78%.

+ Khí ôxy chiếm 21% .

+ Hơi nước và các khí khác chiếm 1%

**- V**ai trò của một số thành phần không khí gần bề mặt đất:

+ Oxy là chất khí giúp duy trì sự sống của con người và các loài sinh vật, là nguyên tố cấu tạo nên các tế bào và hợp chất quan trọng,...

+ Hơi nước trong khí quyển là cơ sở tạo ra lớp nước trên Trái Đất, hình thành nên sự sống của muôn loài,...

+ Khí carbonic là chất khí tham gia vào quá trình quang hợp của thực vật, đồng thời là chất khí giúp giữ lại lượng nhiệt cần thiết cho Trái Đất đủ độ ấm, điều hoà đối với sự sống,...

**b. Các tầng khí quyển:**

- Cấu tạo của lớp vỏ khí:

+ Tầng đối lưu.

+ Tầng bình lưu.

+ Các tầng cao của khí quyển.

Cụ thể:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Tầng đối lưu | Tầng bình lưu |
| Giới hạn | Đến độ cao từ 8 - 16 km  | Đến độ cao khoảng 50 km |
| Sự thay đổi nhiệt độ theo độ cao | Giảm theo độ cao | Tăng theo độ cao |
| Chuyển động đặc trưng | Chuyển động theo chiều thẳng đứng | Chuyền động ngang |

**c. Khí áp và gió:**

Các khối khí:

- Khối khí nóng hình thành trên các vùng vĩ độ thấp, có nhiệt độ tương đối cao.

- Khối khí lạnh hình thành trên các vùng vĩ độ cao, có nhiệt độ tương đối thấp.

- Khối khí đại dương hình thành trên các biền và đại dương, có độ ẩm lớn.

- Khối khí lục địa hình thành trên các vùng đất liền, có tính chất tương đối khô

**d. Khí áp. Các đai khí áp trên Trái Đất**

\* Khí áp:

- Khí áp bề mặt Trái Đất: Sức ép của khí quyển lên một đơn vị diện tích trên mặt đất

- Khí áp trung bình trên mặt biển là 1 013 mb, dưới mức đó là khí áp thấp, trên mức đó là khí áp cao.

+ Khí áp được phân bố thành những đai áp cao và đai áp thấp từ Xích đạo đến cực.

+ Giá trị khí áp thể hiện trên hình khí áp kế là 1 013 mb. Đây là giá trị khí áp ở mức trung bình chuẩn.

+ Tên các đai khí áp trên bề mặt Trái Đất: áp cao cực, áp thấp ôn đới, áp cao chí tuyến, áp thấp xích đạo.

+ Các đai khí áp phân bố đối xứng nhau ở hai bán cầu.

\* **Gió. Các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đẩt**

**- Gió: là sự chuyển động của không khí từ nơi khí áp cao về nơi khí áp thấp.**

****

Đông cực

Tây ôn đới

(Tín phong) Mậu dịch

(Tín phong) Mậu dịch

Tây ôn đới

Đông cực

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tên gió | Mậu dịch (Tín phong) | Tây ôn đới | Đông cực |
| Thổi từ áp cao... đến áp thấp... | Rìa áp cao cận chí tuyến về áp thấp xích đạo | Từ áp cao cận chí tuyến đến áp thấp ôn đới | Từ áp cao cực đến áp thấp ôn đới |
| Hướng gió | Đông bắc ỏ’ bán cầu Bắc, đông nam ở bán cầu Nam | Tây nam ở bán cầu Bắc, tây bắc ở bán cầu Nam | Đông bắc ở bán cầu Bắc, đông nam ở bán cầu Nam |

**(\*\* Lưu ý: Các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất không thổi theo đúng chiều bắc - nam là do ảnh hưởng của lực Cô-ri-ô-lít - lực làm lệch hướng chuyển động của các vật thể đã được học trong chương 2)**

**7. Bài 16: Nhiệt độ không khí. Mây và mưa**

**a. Nhiệt độ không khí**

- Mặt Trời là nguồn nhiệt chính cung cấp cho Trái Đất. Không khí hấp thụ rất kém bức xạ mặt trời, phần lớn bức xạ mặt trời truyền xuống mặt đất và được mặt đất hấp thụ. Mặt đất hấp thụ năng lượng bức xạ mặt trời, nóng lên, phát ra bức xạ truyền vào khí quyển. Các chất khí nhà kính trong không khí hấp thụ bức xạ mặt đất, làm bầu khí quyển nóng lên. Nồng độ khí nhà kính càng cao, không khí càng nóng.

**- Cách tính nhiệt độ trung bình: (đơn vị độ c)**

 **+ Nhiệt độ TB ngày = Giá trị trung bình của 4 lần đo trong ngày (= Tổng nhiệt độ 4 lần đo trong ngày : 4 )**

**+ Nhiệt độ TB tháng = Giá trị trung bình của nhiệt độ các ngày trong tháng (= Tổng nhiệt độ các ngày trong tháng : tổng số ngày của tháng)**

**+ Nhiệt độ TB năm = Giá trị trung bình của nhiệt độ 12 tháng trong năm (= Tổng nhiệt độ 12 tháng: 12 )**

**b. Mây và mưa:**

\* Quá trình hình thành mây và mưa.

- Độ ẩm không khí:

+ Không khí bao giờ cũng chiếm một lượng hơi nước nhất định do được cung cấp từ quá trình bốc hơi của mặt đất và đại dương.

 + Khi không khí chứa được lượng hơi nước tối đa và không thể chứa thêm được nữa sẽ đạt mức bão hoà (100%). Từ đó, hình thành các hiện tượng mây, mưa.

- Quá trình hình thành mây, mưa: Hơi nước trong không khí được cung cấp từ quá trình bốc hơi từ bề mặt đất (ao, hó, sông, thực vật, động vật,...) và đại dương. Khi hơi nước bão hoà mà vẫn tiếp tục được bổ sung hơi nước thì sẽ ngưng tụ thành mây. Các hạt nước lớn dần, khi đủ nặng sẽ tạo thành mưa

\* Sự phân bố lượng mưa trung bình năm trên Trái Đất

- Lượng mưa trung bình hằng năm phân bố không đều trên bề mặt Trái Đất

**- Cách tính lượng mưa TB:**

**+ Lượng mưa TB năm của một địa phương: Lấy lượng mưa nhiều năm của một địa phương cộng lại : số năm**

+ **Lượng mưa trong ngày:** cộng tất cả lượng nước rơi của các lần mưa trong ngày lại.

**+ Lượng mưa trong tháng hay trong năm:** cộng lượng nước rơi trong cả tháng hoặc **cả năm**.

**8. Bài 17: Thời tiết và khí hậu. Biến đổi khí**

**a. Khái niệm thời tiết và khí hậu**

**-** **Thời tiết** là trạng thái của khí quyền tại một thời điềm và khu vực cụ thề được xác định bẳng **nhiệt độ, độ ẩm, lượng mưa và gió**. **Thời tiết luôn thay đổi.**

**- Khí hậu** ở một nơi là tồng hợp các yếu tố thời tiết (**nhiệt độ, độ ẩm, lượng mưa, gió**,...) của nơi đó, trong một thời gian dài và đã **trở thành quy luật.**

**b. Các đới khí hậu trên Trái Đất**

- Trên Trái Đất có 5 đới khí hậu (gọi là vòng đai nhiệt): tương ứng với **2 đới lạnh**, **2 đới ôn hoà** và **1 đới nóng (Nhiệt đới)**. Mỗi bán cầu Bắc - Nam sẽ có 1 đới lạnh, 1 đới ôn hoà và 1 đới nóng.

**a. Đới nóng (nhiệt đới)**

- Giới hạn: Từ 23027’B -> 23027’N. (chí tuyến Bắc đến chí tuyến nam)

- Đặc điểm khí hậu:

+ Nhiệt độ: Nóng quanh năm, nhiệt độ trung bình năm không thấp hơn 200c.

+ Lượng mưa:1000-2000mm.

 + Gió: Tín phong (Mậu dịch).

**b. Hai đới ôn hòa (ôn đới)**

- Giới hạn: Từ 23027’B - 660 33’B (Từ chí tuyến bắc đến vòng cực bắc); 23027’N-66033’N (Từ chí tuyến nam đến vòng cực nam).

- Đặc điểm khí hậu:

+ Nhiệt độ: Trung bình, nhiệt độ trung bình năm dưới 200c

+ Lượng mưa: 500-1000mm.

+ Gió: Tây ôn đới.

**c. Hai đới lạnh (hàn đới)**

- Giới hạn: Từ 66033’B -> 900B (Từ vòng cực bắc đến cực bắc); Từ 66033’N -> 900N (Từ vòng cực nam đến cực nam).

- Đặc điểm khí hậu:

＋Nhiệt độ: Lạnh quanh năm, nhiệt độ trung bình của tất cả các tháng trong năm đều

dưới 100c

+ Lượng mưa: dưới 500mm

+ Gió: Đông cực.

**\* Việt Nam nằm trong đới khí hậu: Nhiệt đới (Đới nóng)**

**II. Câu hỏi luyện tập:**

**1. Cấu tạo bên trong của Trái Đất gồm mấy lớp? Nêu đặc điểm cấu tạo của từng lớp.**

**2. Trên Trái Đất có mấy đới khí hậu? Nêu đặc điểm các đới khí hậu trên Trái Đất. Việt Nam nằm trong đới khí hậu nào, thuộc mảng kiến tạo nào?**

**3. Kể tên các loại gió chính trên Trái Đất. Xác định hướng gió thổi ở hai bán cầu của loại gió hoạt động ở Đới nóng (Nhiệt đới).**

**4. Tính nhiệt độ trung bình năm ở một địa điểm.**

**.........................**

**II**

* **Viêt**